


<p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Acetone</p>	<p>MSDS: 80 16/10/2012</p>									
Trang phục bảo hộ		Nhãn	HMSI (USA)								
			<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr><td style="background-color: #0000FF; color: white;">Health</td><td style="background-color: #0000FF; color: white;">2</td></tr> <tr><td style="background-color: #FF0000; color: white;">Fire</td><td style="background-color: #FF0000; color: white;">3</td></tr> <tr><td style="background-color: #FFFF00; color: black;">Re activity</td><td style="background-color: #FFFF00; color: black;">0</td></tr> <tr><td style="background-color: #FFFFFF; color: black;">Personal Protection</td><td style="background-color: #FFFFFF; color: black;">H</td></tr> </table>	Health	2	Fire	3	Re activity	0	Personal Protection	H
Health	2										
Fire	3										
Re activity	0										
Personal Protection	H										
1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT											
<p>Tên gọi: Acetone Tên thương mại: Số CAS: 67-64-1 Số UN: Số đăng ký EC: Tên nhà sản xuất: Merck Mục đích sử dụng: phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm.</p>	<p>Đơn vị sử dụng: VIỆN VỆ SINH - Y TẾ CÔNG CỘNG TP. HỒ CHÍ MINH Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường 159 Hung Phú, P.8, Q.8, TP.HCM Điện thoại: (84)(08)38559503 -38559719 Liên hệ khẩn cấp: Cháy nổ: 114 Cấp cứu: 115</p>										
2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT											
Tên thành phần hóa chất	CAS-Number	Công thức cấu tạo	% theo khối lượng								
Acetone	67-64-1	C_3H_6O	100								
3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT											
<ul style="list-style-type: none"> - Tác động cấp tính <i>Tiếp xúc với mắt:</i> kích thích <i>Nuốt phải:</i> kích thích <i>Hít phải:</i> kích thích <i>Tiếp xúc với da:</i> kích thích. - Tác động mãn tính <i>Gây ung thư:</i> không có giá trị. 											

<p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Acetone</p>	<p>MSDS: 80 16/10/2012</p>
<p><i>Gây đột biến gen:</i> không có giá trị. <i>Gây quái thai:</i> không có giá trị. <i>Độc tính phát triển:</i> không có giá trị. Sự tiếp xúc liên tục kéo dài và nhiều lần hóa chất này không làm xấu đi tình trạng sức khỏe.</p>		
<p>4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc với mắt Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát tròng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút và gặp bác sĩ chuyên khoa. - Tiếp xúc với da Rửa bằng xà phòng và nước, thay bỏ quần áo nhiễm bẩn, gặp bác sĩ chuyên khoa nếu có những kích ứng. Quần áo nhiễm bẩn phải tẩy rửa trước khi sử dụng lại. Trường hợp da bị tổn thương nghiêm trọng thì phải rửa ngay với xà phòng khử trùng và bôi kem chống vi khuẩn, chăm sóc y tế. - Hít vào Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Gọi cấp cứu Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Gọi sự trợ giúp từ y tế. Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Gọi sự trợ giúp từ y tế. - Nuốt vào Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... 		
<p>5. DỮ LIỆU VỀ CHÁY NỔ</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính cháy của hóa chất: dễ cháy. - Nhiệt độ tự bốc cháy: 465°C (869°F). - Điểm bốc cháy: - Giới hạn có thể cháy: giới hạn dưới 2.6%, giới hạn trên 12.8%. 		

<p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm</p> <p>Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Acetone</p>	<p>MSDS: 80</p> <p>16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm cháy: cacbon oxít (CO, CO₂). - Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác: rất dễ cháy khi có sự hiện diện của ngọn lửa, tia lửa, nhiệt. - Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác <i>Tác động cơ học:</i> không có giá trị. <i>Tác động tĩnh:</i> không có giá trị. - Chỉ dẫn chữa cháy <i>Đám cháy nhỏ:</i> sử dụng bột hóa chất khô. <i>Đám cháy lớn:</i> sử dụng tia nước, sương hoặc bọt. 		
<p>6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ Pha loãng với nước, lau sạch hoặc hấp thụ với vật liệu khô trơ và đặt trong vật chứa chất thải phù hợp. Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn Chất lỏng dễ cháy, cần tránh xa nguồn nhiệt. Tránh xa các nguồn phát lửa. Ngừng bị rò rỉ nếu không có rủi ro, hấp thụ với đất khô, cát, vật liệu không dễ cháy khác. Không chạm vào vật liệu bị tràn đổ. Ngăn chặn xâm nhập vào hệ thống cống rãnh. 		
<p>7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Sự đề phòng Giữ chặt nắp, để cách xa nguồn nhiệt, nguồn gây cháy. Đặt tất cả thiết bị chứa hóa chất trên nền đất. Không được ăn, không hít khí, khói, hơi, phun, tránh để tiếp xúc với mắt. Mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Trong trường hợp thiếu thông thoáng, trang bị mặc nạ hô hấp. Nếu cảm thấy không khỏe, cần gọi cấp cứu. Tránh xa các tác nhân như chất oxy hóa, chất khử, acid, kiềm. - Tồn trữ Đóng chặt nắp thùng chứa. Để thùng chứa ở vùng khô ráo, thông thoáng. Tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, các nguồn gây cháy nổ. 		

<p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm</p> <p style="text-align: center;">Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Acetone</p>	<p>MSDS: 80</p> <p>16/10/2012</p>
--	--	-----------------------------------

8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Kiểm soát kỹ thuật**
Cung cấp hệ thống thông hơi hoặc kiểm soát kỹ thuật khác để nồng độ hơi dưới ngưỡng cho phép. Đảm bảo nơi bồn nước rửa mắt hoặc vòi sen phải gần nơi làm việc.
- **Bảo hộ cá nhân:** kính bảo hộ, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang thích hợp, găng tay.
- **Bảo hộ cá nhân trong trường hợp rò rỉ lớn:** kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần.
- **Giới hạn tiếp xúc (tham khảo):** Hoa kỳ: 750ppm – 1000ppm; Úc: 2375 (mg/m³); UK: 3620 (mg/m³)

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- **Trạng thái và hình dạng vật lý:** chất lỏng.
- **Mùi:** mùi trái cây, bạc hà, có mùi thơm, thanh khiết.
- **Vị:** cay, hơi ngọt.
- **Khối lượng phân tử:** 58,08 g/mol.
- **Màu:** không màu.
- **pH (1% dung môi/nước):** không có giá trị.
- **Điểm sôi:** 56,2°C (133,2°F).
- **Điểm tan chảy:** -95,35°C (-139,6°F).
- **Nhiệt độ tới hạn:** 235°C (455°F).
- **Tỷ trọng:** 0,79.
- **Áp suất bay hơi:** 24 kPa (@ 20°C).
- **Tỉ trọng bay hơi:** 2 (không khí = 1).
- **Mức biến động:** không có giá trị.
- **Ngưỡng mùi:** 62 ppm.
- **Hệ số phân phối nước/dầu:** sản phẩm này hòa tan trong nước, log (dầu/nước) = -0,2.
- **Ionicity (trong nước):** không có giá trị.
- **Tính chất phân tán:** xem độ hòa tan.
- **Độ hòa tan:** hòa tan trong nước lạnh, nước nóng.

<p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Acetone</p>	<p>MSDS: 80 16/10/2012</p>
--	--	--------------------------------

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- **Độ ổn định:** hóa chất ổn định.
- **Nhiệt độ gây không ổn định:** không có giá trị.
- **Những điều kiện gây không ổn định:** nguồn nhiệt quá lớn, nguồn lửa, tiếp xúc với không khí, độ ẩm, nước, vật liệu không tương thích
- **Những hóa chất không tương thích:** phản ứng với các chất oxy hóa, chất khử, kiềm, axit.
- **Tính ăn mòn:** không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh.
- **Poly hóa:** không xảy ra.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

- **Đường đi vào:** thấm qua da, tiếp xúc mắt, hô hấp.
- **Độc tính lên động vật:** LD₅₀: 3000 mg/kg (chuột); LC₅₀: 44000 mg/m³ 4 giờ(chuột).
- **Ảnh hưởng mãn tính lên con người**
Khả năng ung thu lên con người: A4 bởi ACGIH.
Phát triển độc tính: phân loại: ảnh hưởng đến hệ sinh sản, nữ. Gây tổn hại lên các cơ quan sau: hệ thống thần kinh trung ương, hệ thống sinh sản, thận, gan, da.
- **Ảnh hưởng độc tính khác lên con người:** Nguy hại trong trường hợp tiếp xúc da, tiêu hóa, đường hô hấp.
- **Lưu ý về ảnh hưởng mãn tính khác trên người:** có ảnh hưởng đến vật liệu di truyền dựa trên nghiên cứu men, vi khuẩn và tế bào nguyên bào sợi ở chuột. Có thể gây ra hiệu ứng sinh sản dựa trên nghiên cứu trên động vật. Có thể chứa một lượng vết benzene, formadehyde mà có thể ung thư và dị tật bẩm sinh.
- **Lưu ý về ảnh hưởng độc tính khác trên cơ thể người**
Độc cấp tính
Da: có thể gây kích ứng da, có thể gây hại nếu bị hấp thụ qua da.
Mắt: kích thích mắt, bỏng rát, đỏ, chảy nước mắt, viêm và tổn thương giác mạc.
Hít phải: Hít ở nồng độ cao có thể ảnh hưởng đến cơ quan cảm giác, não, gây kích ứng đường hô hấp. Nó cũng có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương, đặc trưng bởi nhưc đầu, buồn ngủ, phát biểu bất thường, tác dụng gây ngủ và hôn mê. Hít phải cũng ảnh hưởng đến đường

<p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm</p> <p>Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Acetone</p>	<p>MSDS: 80</p> <p>16/10/2012</p>
<p>tiêu hóa (buồn nôn).</p> <p>Nuốt phải: cũng gây ảnh hưởng đến đường tiêu hóa. Nó cũng có thể gây ra trầm cảm, mệt mỏi, hôn mê, đau đầu, thời gian giấc ngủ thay đổi, mất điều hòa. Có thể ảnh hưởng đến cơ xương.</p>		
<p>12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Độc tính sinh thái: độc tính sinh thái trong nước LC50 5540 mg/l 96 giờ. - BOD₅ và COD: không có giá trị. - Sản phẩm phân hủy sinh học: những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại. <p>Độc tính sản phẩm phân hủy: sản phẩm phân hủy có độc tính hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chú thích đặc biệt trên sản phẩm phân hủy sinh học: không có giá trị. 		
<p>13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất. - Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại) <p><i>Tái sử dụng nếu có thể</i></p> <p>Thu gom và xử lý dạng rắn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. • Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định. <p>Thu gom và xử lý dạng lỏng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. • Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp. • Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước. <p>Xử lý hóa chất dạng hơi: vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài.</p>		

<p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Acetone</p>	<p>MSDS: 80 16/10/2012</p>
--	--	--------------------------------

Chú ý:

- Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kị với nhau (tham khảo trong bảng).
- Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn.
- Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó.
 - Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom.

14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

- **Xếp loại DOT:** nhóm 3: chất lỏng dễ cháy.
Nhận dạng: Acetone UNNA : 1090 PG : II.
Quy định đặc biệt về vận tải: không có giá trị.

15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- **Quy chuẩn áp dụng**
Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002.
Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.
- **Xếp loại khác**
DSCL (EEC): R36- kích ứng mắt. R9- trừ hóa chất ở nơi thoáng mát. S16- để xa nguồn gây cháy – khu vực không hút thuốc. S26- khi tiếp xúc với mắt, phải rửa ngay với nhiều nước và gọi sự trợ giúp từ y tế.
HMIS (U.S.A.)
Độc hại sức khỏe: 2
Nguy hiểm cháy: 3
Độ hoạt hóa: 0
Bảo vệ cá nhân: h
National Fire Protection Association (U.S.A.)
Sức khỏe: 1

<p style="text-align: center;">VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</p> <p>Acetone</p>	<p>MSDS: 80 16/10/2012</p>
<p>Khả năng cháy: 3 Độ hoạt hóa: 0 Độc hại đặc biệt:</p>		
16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC		
<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin tham khảo: Acetone MSDS – science lab.com, INC, Mỹ - Ngày ghi: 16/10/2012 - Ngày sửa đổi gần nhất: 16/10/2012 - Tổ chức biên soạn: Viện Vệ sinh Y tế Công cộng TP.HCM, Khoa Xét nghiệm, Labo Hóa Độc chất Môi trường. <p><i>Lưu ý người đọc:</i></p> <p><i>Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</i></p> <p><i>Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.</i></p>		